

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9181 /UBND-KT

Đồng Nai, ngày 30 tháng 8 năm 2018

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Thông tư hướng dẫn lập Báo
cáo tài chính tổng hợp của đơn
vị hành chính sự nghiệp là đơn
vị kế toán cấp trên



Kính gửi: Sở Tài chính.

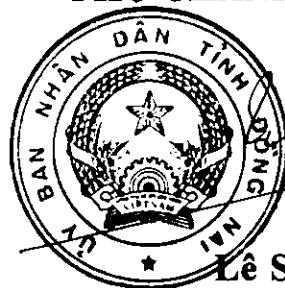
UBND tỉnh nhận được Công văn số 10223/BTC-QLKT ngày 23/8/2018 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Thông tư hướng dẫn lập Báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị hành chính sự nghiệp là đơn vị kế toán cấp trên (văn bản điện tử đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan khẩn trương nghiên cứu, dự thảo văn bản của UBND tỉnh để kịp thời tham gia ý kiến dự thảo Thông tư hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị hành chính, sự nghiệp là đơn vị kế toán cấp trên tại Công văn nêu trên trước ngày 05/9/2018 (gửi kèm file văn bản dự thảo về địa chỉ mail: hoangdiep.ubt@gmail.com).

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KT.
- @ĐiệpKT

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Sĩ Lâm

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 10223 /BTC-QLKT

V/v xin ý kiến dự thảo Thông tư
Hướng dẫn lập BCTC tổng hợp của
đơn vị HCSN là đơn vị kế toán cấp trên

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2018

UBND TỈNH ĐỒNG NAI	
ĐẾN	Số: <u>4530A</u>
	Ngày: <u>28/08/18</u>
Chuyển: <u>Chức vụ TW</u>	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW

Thực hiện quy định của Luật Kế toán 2015 về lập báo cáo tài chính nhà nước, theo đó Báo cáo tài chính nhà nước được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế và các đơn vị có liên quan khác thuộc khu vực nhà nước. Báo cáo tài chính nhà nước được lập và trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân cùng với thời điểm quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính Phủ về báo cáo tài chính nhà nước, quy định các đơn vị dự toán cấp 1 có trách nhiệm tổng hợp thông tin tài chính của đơn vị mình và các đơn vị cấp dưới để lập báo cáo tài chính cung cấp thông tin cho KBNN để lập báo cáo tài chính nhà nước.

Bộ Tài chính đã nghiên cứu xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị hành chính, sự nghiệp là đơn vị kế toán cấp trên, để hướng dẫn các đơn vị kế toán cấp trên lập báo cáo tài chính tổng hợp, đề nghị Quý đơn vị tham gia ý kiến vào dự thảo Thông tư (*Dự thảo kèm theo*).

Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán) **trước ngày 06/9/2018** để Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán tổng hợp hoàn thiện thông tư trình Bộ ký ban hành áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính từ năm 2018.

Rất mong nhận được sự hợp tác từ Quý đơn vị **Nơi nhận:** 

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, Cục QLKT (150b).

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ
GIÁM SÁT KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

**Vũ Đức Chính**

Số: /2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

THÔNG TƯ

Hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị hành chính, sự nghiệp là đơn vị kế toán cấp trên

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán;

Căn cứ Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về báo cáo tài chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, Giám sát Kế toán, Kiểm toán;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp đối với đơn vị hành chính sự nghiệp là đơn vị kế toán cấp trên.

Chương I

QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định và hướng dẫn các nguyên tắc, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp của một đơn vị kế toán nhà nước gồm nhiều đơn vị kế toán trực thuộc, đơn vị kế toán trực thuộc có thể bao gồm các

đơn vị kế toán trung gian và đơn vị kế toán cơ sở hoặc chỉ bao gồm các đơn vị kế toán cơ sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho các tổ chức, đơn vị sau:

1. Đơn vị dự toán cấp 1
2. Đơn vị kế toán trung gian được đơn vị dự toán cấp 1 giao nhiệm vụ tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.
3. Đơn vị kế toán cơ sở áp dụng Thông tư này lập báo cáo bổ sung thông tin tài chính nộp cho đơn vị kế toán cấp trên hoặc KBNN theo quy định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Báo cáo bổ sung thông tin tài chính là báo cáo cung cấp thêm các thông tin tài chính ngoài báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính tổng hợp đã lập theo quy định.
2. Báo cáo tài chính tổng hợp là báo cáo cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, các luồng tiền từ hoạt động và các thông tin thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên như của một đơn vị kế toán độc lập.
3. Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp bao gồm các chế độ kế toán sau: Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và các chế độ kế toán được xây dựng, hướng dẫn trên cơ sở các quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC như chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án, ...
4. Chế độ kế toán khác là các chế độ kế toán còn lại ngoài chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định tại Khoản 3 Điều này.
5. Đơn vị dự toán cấp 1, bao gồm: Các Bộ, ngành và các tổ chức tương đương tại trung ương; Các sở, ban ngành và các đơn vị tương đương thuộc cấp tỉnh; Các đơn vị cấp phòng và tương đương thuộc cấp huyện thuộc đối tượng phải lập và nộp báo cáo tài chính tổng hợp cho KBNN để lập báo cáo tài chính nhà nước.
6. Đơn vị kế toán cơ sở: Là các đơn vị kế toán trực thuộc của đơn vị dự toán cấp 1 hoặc đơn vị kế toán trực thuộc đơn vị kế toán cấp trung gian bao gồm đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, ban quản lý dự án, quỹ tài chính ngoài ngân sách và các đơn vị không sử dụng ngân sách.

dụng ngân sách mà các đơn vị này phải lập báo cáo tài chính riêng theo quy định của chế độ kế toán đơn vị đang áp dụng.

7. Đơn vị kế toán cấp trên là đơn vị có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tài chính, bao gồm đơn vị dự toán cấp 1 và đơn vị kế toán trung gian được đơn vị dự toán cấp 1 giao nhiệm vụ tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

8. Đơn vị kế toán trung gian là đơn vị được đơn vị dự toán cấp 1 giao nhiệm vụ tổng hợp báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư này.

9. Giao dịch nội bộ là giao dịch giữa các đơn vị kế toán thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp trong cùng phạm vi một đơn vị lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Điều 4. Kỳ lập báo cáo

Báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán cấp trên được lập theo kỳ kế toán năm. Trường hợp pháp luật có quy định theo kỳ hạn lập khác thì ngoài báo cáo theo kỳ hạn năm, đơn vị còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp theo kỳ hạn đó.

Báo cáo bổ sung thông tin tài chính được lập theo kỳ hạn kế toán của báo cáo tài chính tổng hợp.

Điều 5. Quy định về tổ chức đơn vị trung gian lập báo cáo tài chính tổng hợp

1. Đơn vị dự toán cấp 1 chịu trách nhiệm quyết định tổ chức các đơn vị kế toán trung gian cấp dưới để lập báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Đơn vị dự toán cấp 1 tại trung ương quyết định tổ chức một hay nhiều cấp đơn vị kế toán trung gian lập báo cáo tài chính tổng hợp tùy theo mô hình tổ chức và yêu cầu quản lý cụ thể. Đơn vị dự toán cấp 1 tại địa phương (tỉnh, huyện) chỉ tổ chức tối đa một cấp đơn vị kế toán trung gian lập báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Các cấp đơn vị trung gian tổng hợp báo cáo tài chính

- Đơn vị kế toán trung gian cấp 1 là đơn vị kế toán cấp trên trực tiếp của đơn vị kế toán cơ sở.

- Đơn vị kế toán trung gian cấp 2 là đơn vị kế toán cấp trên trực tiếp của đơn vị kế toán trung gian cấp 1 và đơn vị kế toán cấp cơ sở trực thuộc trực tiếp đơn vị kế toán trung gian cấp 2.

Trường hợp đơn vị dự toán cấp 1 tổ chức nhiều hơn 2 cấp đơn vị kế toán trung gian thì hướng dẫn các đơn vị vận dụng việc tổng hợp số liệu theo nguyên tắc và phương pháp tổng hợp tại Thông tư này.

Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Trách nhiệm của đơn vị dự toán cấp 1

a. Các đơn vị dự toán cấp 1 phải chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo bổ sung thông tin tài chính theo quy định của Thông tư này gửi cho KBNN để tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước.

b. Trường hợp đơn vị dự toán cấp 1 đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách và không có đơn vị kế toán trực thuộc, đã lập báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp thì không phải lập báo cáo tài chính tổng hợp mà trực tiếp gửi báo cáo tài chính đã lập theo quy định của Thông tư số 107/2017/TT-BTC cho KBNN và các đơn vị có liên quan theo quy định cho đơn vị dự toán cấp 1.

Ngoài ra các đơn vị này còn phải lập Báo cáo bổ sung thông tin tài chính theo quy định của Thông tư này gửi cho KBNN để tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước.

c. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 1 chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, nội dung và hình thức của các biểu mẫu báo cáo tổng hợp.

2. Trách nhiệm của đơn vị kế toán trung gian được đơn vị dự toán cấp 1 giao nhiệm vụ tổng hợp báo cáo tài chính

a. Đơn vị kế toán trung gian tiếp nhận báo cáo từ các đơn vị kế toán cấp dưới trực tiếp, chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định của Thông tư này.

Đồng thời đơn vị kế toán trung gian phải lập báo cáo bổ sung thông tin tài chính trên cơ sở tổng hợp các báo cáo bổ sung thông tin tài chính của đơn vị cấp dưới phục vụ cho việc loại trừ các giao dịch nội bộ trong quá trình tổng hợp báo cáo của đơn vị cấp trên.

b. Thủ trưởng đơn vị kế toán trung gian chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, nội dung và hình thức của các biểu mẫu báo cáo tổng hợp.

3. Trách nhiệm của đơn vị kế toán cơ sở

a. Đơn vị kế toán cơ sở phải có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng theo quy định của chế độ kế toán đang áp dụng nộp về đơn vị kế toán cấp trên trực tiếp theo phân cấp đảm bảo đúng thời gian quy định, chỉ tiêu số liệu đã được đối chiếu chính xác, khớp đúng.

Ngoài ra đơn vị kế toán cơ sở áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp phải lập báo cáo bổ sung thông tin tài chính theo quy định tại Thông tư này nộp đơn vị kế toán cấp trên trực tiếp theo phân cấp phục vụ cho việc loại trừ các giao dịch nội bộ trong quá trình tổng hợp báo cáo. Riêng đơn vị kế toán cơ sở thực hiện chế độ kế toán khác không phải lập báo cáo bổ sung thông tin tài chính.

b. Thủ trưởng các đơn vị kế toán cơ sở chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, nội dung và hình thức của các biểu mẫu báo cáo đã lập của đơn vị mình.

Điều 7. Thời hạn nộp báo cáo

1. Đối với đơn vị dự toán cấp 1

Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo bổ sung thông tin tài chính của đơn vị dự toán cấp 1 phải được nộp cho cơ quan tài chính và KBNN đồng cấp theo thời hạn quy định tại Nghị định 25/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Đơn vị dự toán cấp 1 chịu trách nhiệm quy định thời hạn nộp báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán cấp dưới để đảm bảo thời gian tổng hợp và nộp báo cáo tài chính tổng hợp cho cơ quan tài chính và KBNN đồng cấp theo quy định.

2. Đối với đơn vị kế toán trung gian và đơn vị kế toán cơ sở

Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo bổ sung thông tin tài chính của đơn vị kế toán trung gian và đơn vị kế toán cơ sở được nộp đơn vị kế toán cấp trên trực tiếp theo phân cấp lập báo cáo tài chính tổng hợp căn cứ theo thời hạn do đơn vị dự toán cấp 1 đã quy định.

Điều 8. Hình thức nộp báo cáo

Các báo cáo gửi cho đơn vị kế toán cấp trên hoặc KBNN được lập trên giấy hoặc chuyển dưới hình thức giao dịch điện tử, đúng theo mẫu biểu và ký hiệu quy định tại Thông tư này.

Trường hợp gửi báo cáo trên giấy, đơn vị kế toán gửi kèm theo file dữ liệu cho đơn vị cấp trên để sử dụng khi tổng hợp báo cáo tài chính tổng hợp.

Chương II

QUI ĐỊNH VỀ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP, BÁO CÁO BỔ SUNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Mục 1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Điều 9. Mục đích của việc lập báo cáo tài chính tổng hợp

1. Báo cáo tài chính tổng hợp cung cấp thông tin cho người sử dụng xem xét và đưa ra các quyết định về các hoạt động tài chính, ngân sách của đơn vị kế toán cấp trên; nâng cao trách nhiệm giải trình của các đơn vị kế toán cấp trên về việc tiếp nhận và sử dụng các nguồn lực của nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị dự toán cấp 1 còn cung cấp thông tin để tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 18 Nghị định số 25/2017/NĐ-CP về báo cáo tài chính nhà nước.

Điều 10. Yêu cầu đối với việc lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp phải được phản ánh một cách phù hợp, khách quan, kịp thời theo đúng mẫu biểu và các chỉ tiêu đã quy định, được trình bày chặt chẽ, có hệ thống, phản ánh được tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các luồng tiền từ hoạt động và các thông tin thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên như là một đơn vị kế toán độc lập.

Điều 11. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính tổng hợp

1. Báo cáo tài chính tổng hợp được lập sau khi kết thúc kỳ kế toán năm (vào thời điểm 31/12 hàng năm) trong đó các chỉ tiêu tài sản, nợ phải trả, tài sản thuần, doanh thu, chi phí và các luồng tiền của đơn vị kế toán cấp trên và

các đơn vị kế toán trực thuộc được trình bày trên các biểu mẫu báo cáo tương ứng giống như là các báo cáo của một đơn vị kế toán độc lập.

2. Báo cáo tài chính tổng hợp được hợp cộng theo các chỉ tiêu tương ứng trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính của tất cả các đơn vị kế toán cấp dưới thuộc phạm vi lập báo cáo tài chính tổng hợp, sau đó loại trừ các giao dịch nội bộ trong phạm vi đơn vị lập báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

3. Một số thông tin tài chính của các đơn vị kế toán cấp dưới thực hiện chế độ kế toán khác phải tổng hợp số liệu vào báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị cấp trên, gồm:

- Báo cáo tình hình tài chính: Số liệu tài sản thuần.

- Báo cáo kết quả hoạt động: Số liệu thặng dư/thâm hụt của đơn vị (hoặc lợi nhuận sau thuế).

4. Báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán cấp dưới được sử dụng làm căn cứ tổng hợp phải được lập cho cùng một kỳ báo cáo, trường hợp ngày kết thúc kỳ kế toán khác ngày 31/12 thì đơn vị kế toán cấp dưới phải lập và gửi các báo cáo cho mục đích tổng hợp báo cáo theo quy định của Thông tư này.

Điều 12. Nguyên tắc loại trừ các giao dịch nội bộ

1. Giao dịch nội bộ phải loại trừ khi tổng hợp báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên là giao dịch nội bộ giữa các đơn vị kế toán thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp với nhau, bao gồm giao dịch giữa đơn vị cấp trên và đơn vị kế toán cấp dưới, giữa các đơn vị kế toán cấp dưới với nhau trong cùng đơn vị lập báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Số liệu các giao dịch nội bộ phải loại trừ khi tổng hợp báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên, bao gồm:

- Đối với báo cáo tình hình tài chính: Số liệu các giao dịch nội bộ phải loại trừ khi tổng hợp báo cáo tình hình tài chính của đơn vị trực thuộc là số dư tại ngày lập báo cáo tài chính đối với các khoản phải thu, phải trả; các khoản đầu tư tài chính và khoản nhận đầu tư giữa các đơn vị trong nội bộ đơn vị lập báo cáo.

- Đối với báo cáo kết quả hoạt động: Số liệu các giao dịch nội bộ phải loại trừ khi tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị trực thuộc là Doanh thu, chi phí phát sinh giữa các đơn vị nội bộ trong năm.

3. Việc loại trừ các giao dịch nội bộ được thực hiện sau khi đã đối chiếu số liệu giữa các đơn vị trong nội bộ đảm bảo khớp đúng, trường hợp không thể đối chiếu thì thực hiện loại trừ theo số nhỏ hơn. Riêng hoạt động mua bán hàng hóa và tài sản trong nội bộ thực hiện loại trừ cả chỉ tiêu doanh thu và chi phí cho toàn bộ giá trị giao dịch đã thực hiện (không tính đến việc các đơn vị có liên quan đã thực hiện giá trị giao dịch này ra bên ngoài phạm vi đơn vị lập báo cáo tài chính tổng hợp hay chưa).

Điều 13. Danh mục và nơi nhận báo cáo tài chính tổng hợp

1. Danh mục báo cáo

STT	KÝ HIỆU	TÊN BIỂU BÁO CÁO	KỲ HẠN LẬP
1	2	3	4
1	B01/BCTC-TH	Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp	Năm
2	B02/BCTC-TH	Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp	Năm
3	B03/BCTC-TH	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (theo phương pháp gián tiếp)	Năm
4	B04/BCTC-TH	Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	Năm

Biểu mẫu và phương pháp lập Báo cáo tài chính tổng hợp quy định tại Phụ lục số 01 "Báo cáo tài chính tổng hợp" kèm theo Thông tư này.

2. Nơi nhận báo cáo

Đơn vị kế toán trung gian gửi báo cáo tài chính tổng hợp cho đơn vị kế toán cấp trên trực tiếp theo phân cấp lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Đơn vị dự toán cấp 1 gửi báo cáo tài chính tổng hợp cho Cơ quan Tài chính và KBNN đồng cấp.

Điều 14. Quy định về phạm vi lập báo cáo tài chính tổng hợp

1. Phạm vi lập báo cáo tài chính tổng hợp

a) Trường hợp đơn vị dự toán cấp 1 không phân cấp cho các đơn vị kế toán trung gian lập báo cáo tài chính tổng hợp thì phạm vi tổng hợp báo cáo của

đơn vị dự toán cấp 1 là toàn bộ báo cáo tài chính riêng của các đơn vị kế toán cơ sở trực thuộc trực tiếp đơn vị dự toán cấp 1 và đơn vị kế toán cơ sở trực thuộc đơn vị kế toán trung gian.

b) Trường hợp đơn vị dự toán cấp 1 phân cấp cho đơn vị kế toán trung gian lập báo cáo tổng hợp:

- Đối với đơn vị kế toán trung gian: Phạm vi tổng hợp báo cáo là báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán cấp dưới trực thuộc trực tiếp đơn vị kế toán trung gian (bao gồm các đơn vị kế toán cơ sở trực tiếp và các đơn vị kế toán trung gian cấp dưới trực tiếp (nếu có)).

- Đơn vị dự toán cấp 1: Phạm vi tổng hợp báo cáo là báo cáo tài chính, báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán cấp dưới trực thuộc trực tiếp đơn vị dự toán cấp 1.

- Trường hợp đơn vị dự toán cấp 1 phân cấp cho nhiều cấp đơn vị kế toán trung gian lập báo cáo tổng hợp, thì báo cáo được tổng hợp từ dưới lên trên theo quy định của Thông tư này.

Việc xác định đơn vị trung gian được phân cấp lập báo cáo tài chính tổng hợp hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục số 3 “Xác định đơn vị trung gian lập báo cáo tài chính tổng hợp”.

2. Danh sách các đơn vị thuộc phạm vi tổng hợp báo cáo tài chính:

Đầu kỳ kế toán năm, các đơn vị dự toán cấp 1 phải lập và công bố danh sách toàn bộ các đơn vị kế toán cấp dưới thuộc phạm vi phải tổng hợp báo cáo tài chính phù hợp với phân cấp lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị.

Các đơn vị đã kết thúc hoạt động hoặc chuyển sang đơn vị khác vẫn được nêu trong danh sách này và được ghi chú là kết thúc hoạt động để đơn vị lập báo cáo tài chính tổng hợp có căn cứ thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp.

Danh sách các đơn vị kế toán cấp dưới được gửi cho KBNN đồng cấp để đối chiếu, thuyết minh số liệu khi tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước.

Điều 15. Quy trình lập báo cáo tổng hợp

1. Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp

a. Bước 1: Thực hiện hợp cộng số liệu các chỉ tiêu chi tiết tương ứng về tài sản, nguồn vốn trên báo cáo tình hình tài chính của tất cả các đơn vị kế toán cấp dưới thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

b. Bước 2: Thực hiện loại trừ số liệu phát sinh từ các giao dịch nội bộ của các đơn vị thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp trên cơ sở số dư còn lại tại ngày lập báo cáo tài chính, gồm:

- Các khoản phải thu, phải trả
- Các khoản đầu tư tài chính và nguồn nhận đầu tư giữa các đơn vị trong nội bộ đơn vị lập báo cáo.

Việc loại trừ số liệu giao dịch nội bộ được thực hiện trên cơ sở số liệu được tổng hợp từ các Báo cáo bổ sung thông tin tài chính của các đơn vị kế toán cấp dưới.

c. Bước 3: Tiếp tục thực hiện hợp cộng số liệu chỉ tiêu “tài sản thuần” trên báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị kế toán cấp dưới thực hiện chế độ kế toán khác trình bày vào chỉ tiêu “TS thuần của đơn vị thực hiện CĐKT khác” trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp.

2. Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp

a. Bước 1: Thực hiện hợp cộng số liệu các chỉ tiêu chi tiết doanh thu, chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động của tất cả các đơn vị kế toán cấp dưới thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

b. Bước 2: Thực hiện loại trừ số liệu phát sinh từ các giao dịch nội bộ của các đơn vị kế toán thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, trên cơ sở số phát sinh trong năm, gồm:

- Doanh thu bán hàng nội bộ
- Chi phí mua hàng từ các đơn vị nội bộ: Thực hiện loại trừ toàn bộ giao dịch đã thực hiện không tính đến việc các đơn vị có liên quan đã thực hiện giá trị giao dịch này ra bên ngoài phạm vi đơn vị lập báo cáo tài chính tổng hợp hay chưa (loại trừ theo số liệu doanh thu của đơn vị bán hàng).

Việc loại trừ số liệu giao dịch nội bộ được thực hiện trên cơ sở số liệu được tổng hợp từ các Báo cáo bổ sung thông tin tài chính của các đơn vị kế toán cấp dưới.

c. Bước 3: Hợp cộng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả hoạt động của các đơn vị thực hiện chế độ kế toán khác trình bày vào chỉ tiêu “Thặng dư/thâm hụt trong năm của đơn vị thực hiện CĐKT khác” trên báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phải được phân loại luồng tiền cho 3 hoạt động bao gồm: Hoạt động chính, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính.

Hoạt động chính: Căn cứ số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp, đơn vị lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo phương pháp gián tiếp.

Hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính: Số liệu được lấy trên cơ sở hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp dưới.

4. Thuyết minh báo cáo tài chính

a) Về số liệu

Hợp cộng các chỉ tiêu chi tiết trên thuyết minh báo cáo tài chính của tất cả các đơn vị kế toán thuộc đối tượng phải tổng hợp báo cáo tài chính theo các chỉ tiêu trên Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, loại trừ các số liệu có liên quan như báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả hoạt động.

Trình bày các thông tin chi tiết theo biểu mẫu và hình thức theo quy định tại Thông tư này.

b) Về các thông tin khác

Căn cứ báo cáo của các đơn vị, tổng hợp thông tin chung trên Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, đảm bảo phản ánh đầy đủ thông tin quan trọng của các đơn vị trong đơn vị kế toán lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Điều 16. Quy định về điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp

Sau khi báo cáo tài chính năm của đơn vị dự toán cấp 1 đã được lập và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không được phép thay đổi, các sai sót phát hiện được thuyết minh vào báo cáo năm kế tiếp theo quy định, trừ trường hợp trong quá trình tổng hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu điều chỉnh số liệu và cho phép lập lại báo cáo tài chính tổng hợp.

Điều 17. Công khai báo cáo tài chính tổng hợp

1. Đơn vị dự toán cấp 1 thực hiện công khai báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị dự toán cấp 1 đã được kiểm toán thì khi công khai phải kèm theo báo cáo kiểm toán của tổ chức kiểm toán.

Mục 2

BÁO CÁO BỔ SUNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Điều 18. Mục đích của Báo cáo bổ sung thông tin tài chính

Báo cáo bổ sung thông tin tài chính do các đơn vị kế toán áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp lập để cung cấp thêm các thông tin tài chính ngoài báo cáo tài chính đã lập theo quy định, nhằm cung cấp thông tin về các giao dịch nội bộ phục vụ cho việc loại trừ giao dịch nội bộ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp và cung cấp thông tin thuyết minh báo cáo tài chính cho các đơn vị kế toán cấp trên.

Trường hợp đơn vị dự toán cấp 1 đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách đã lập báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp thì Báo cáo bổ sung thông tin tài chính nhằm phục vụ cho việc loại trừ giao dịch nội bộ và thuyết minh báo cáo tài chính khi lập báo cáo tài chính nhà nước.

Điều 19. Yêu cầu của Báo cáo bổ sung thông tin tài chính

1. Báo cáo bổ sung thông tin tài chính phải được lập từ đơn vị kế toán cơ sở trên cơ sở số liệu đã hạch toán đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo xem xét quan hệ thanh toán với các đơn vị có liên quan chính xác, đúng đối tượng.

2. Các quan hệ giao dịch trên Báo cáo bổ sung thông tin tài chính phải tách biệt được các giao dịch nội bộ theo từng cấp lập báo cáo tài chính tổng hợp theo phân cấp của đơn vị dự toán cấp 1, bao gồm:

- a. Giao dịch nội bộ trong đơn vị kế toán trung gian cấp 1.
- b. Giao dịch nội bộ trong đơn vị kế toán trung gian cấp 2.

Trường hợp có nhiều hơn 2 cấp đơn vị trung gian được đơn vị dự toán cấp 1 phân cấp lập báo cáo tài chính tổng hợp thì được đơn vị dự toán cấp 1 phải hướng dẫn đơn vị kế toán cấp cơ sở báo cáo các quan hệ giao dịch nội bộ theo các cấp tổng hợp này.

- c. Giao dịch nội bộ trong đơn vị dự toán cấp 1.

d. Giao dịch nội bộ ngoài đơn vị dự toán cấp 1 nhưng trong khu vực nhà nước. Riêng các đơn vị kế toán tại địa phương còn phải tách các giao dịch nội bộ ngoài đơn vị dự toán cấp 1 nhưng trong cùng 1 tỉnh.

đ. Trường hợp đơn vị dự toán cấp 1 không phân cấp lập báo cáo tài chính tổng hợp cho đơn vị kế toán trung gian mà trực tiếp làm nhiệm vụ tổng hợp báo cáo từ các đơn vị kế toán cơ sở thì các quan hệ giao dịch trên Báo cáo bổ sung thông tin tài chính chỉ tách số liệu các giao dịch nội bộ trong đơn vị dự toán cấp 1 và giao dịch nội bộ ngoài đơn vị dự toán cấp 1 nhưng trong khu vực nhà nước (nếu là đơn vị kế toán tại địa phương phải tách thêm các giao dịch nội bộ ngoài đơn vị dự toán cấp 1 nhưng trong cùng 1 tỉnh).

Điều 20. Nguyên tắc và kỳ lập báo cáo bổ sung thông tin tài chính

1. Báo cáo bổ sung thông tin tài chính được lập sau khi kết thúc kỳ kế toán năm cùng với báo cáo tài chính theo quy định, trong đó bao gồm các chỉ tiêu bổ sung thông tin cho báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả hoạt động.

2. Báo cáo bổ sung thông tin tài chính của đơn vị kế toán cơ sở được lập trên cơ sở số liệu sổ sách kế toán theo dõi chi tiết tại đơn vị. Báo cáo bổ sung thông tin tài chính của đơn vị kế toán cấp trên được tổng hợp từ báo cáo bổ sung thông tin tài chính của đơn vị kế toán cấp dưới trực tiếp, báo cáo này được trình bày theo mẫu biểu và các chỉ tiêu quy định tại Thông tư này.

Điều 21. Trách nhiệm các đơn vị trong việc lập Báo cáo bổ sung thông tin tài chính

1. Đơn vị kế toán cơ sở thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp chịu trách nhiệm lập Báo cáo bổ sung thông tin tài chính nộp cho đơn vị kế toán cấp trên trực tiếp theo phân cấp.

2. Đơn vị kế toán trung gian chịu trách nhiệm tổng hợp Báo cáo bổ sung thông tin tài chính từ số liệu các báo cáo bổ sung thông tin tài chính của đơn vị kế toán cấp dưới trực tiếp thuộc phạm vi tổng hợp báo cáo tài chính nộp cho đơn vị kế toán cấp trên trực tiếp theo phân cấp.

3. Đơn vị dự toán cấp 1 chịu trách nhiệm tổng hợp Báo cáo bổ sung thông tin tài chính từ số liệu các báo cáo bổ sung thông tin tài chính của đơn vị kế toán cấp dưới trực tiếp thuộc phạm vi tổng hợp báo cáo tài chính nộp cho KBNN.

Điều 22. Biểu mẫu và nơi nhận Báo cáo bổ sung thông tin tài chính

1. Biểu mẫu báo cáo

STT	KÝ HIỆU	TÊN BIỂU BÁO CÁO	KỲ HẠN LẬP
1	2	3	4
1	B01/BSTT	Báo cáo bổ sung thông tin tài chính	Năm

2. Nơi nhận báo cáo

Đơn vị kế toán cấp cơ sở gửi báo cáo bổ sung thông tin tài chính cho đơn vị cấp trên trực tiếp tổng hợp báo cáo tài chính theo phân cấp.

Đơn vị kế toán cấp trung gian sau khi tổng hợp số liệu từ các đơn vị trực thuộc gửi báo cáo bổ sung thông tin tài chính cho đơn vị cấp trên trực tiếp tổng hợp báo cáo tài chính theo phân cấp.

Đơn vị dự toán cấp 1 gửi báo cáo bổ sung thông tin tài chính cho KBNN đồng cấp.

Biểu mẫu và phương pháp lập Báo cáo bổ sung thông tin tài chính quy định tại Phụ lục số 02 "Báo cáo bổ sung thông tin tài chính" kèm theo Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký và áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp từ năm tài chính 2018.

Điều 24. Các Bộ, ngành Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện Thông tư này tới các đơn vị hành chính sự nghiệp là đơn vị dự toán cấp 1 trên địa bàn. Các đơn vị dự toán cấp 1 quyết định về việc các đơn vị dự toán trung gian có lập báo cáo tài chính tổng hợp, đảm bảo thời hạn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị cấp đúng thời hạn quy định.

Đối với một số quỹ tài chính nhà nước thực hiện như sau:

- Quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế thực hiện lập báo cáo toàn hệ thống theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ kế toán Bảo hiểm xã hội.

- Quỹ dự trữ nhà nước không được tổng hợp vào báo cáo của Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp 1). Bộ Tài chính tổng hợp riêng báo cáo về tình hình dự trữ nhà nước để KBNN sử dụng và tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước.

Điều 25. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán; Chánh văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra và thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW Đảng;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBND, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục QLGSKT (.....).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

A. MẪU BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Đơn vị dự toán cấp 1:....

Mã chương:

Mẫu số B01/BCTC-TH

Đơn vị KT trung gian cấp 1:....

Mã:

Ban hành kèm theo Thông tư số

Đơn vị KT trung gian cấp 2:....

Mã

.../2018/TT-BTC ngày /.../2018

Đơn vị kế toán cấp cơ sở:....

Mã:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Tại ngày.....thángnăm.....

Đơn vị tính:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	D	1	2
	TÀI SẢN				
I	Tiền	01			
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	05			
III	Các khoản phải thu	10			
1	Phải thu khách hàng	11			
2	Trả trước cho người bán	12			
3	Các khoản phải thu khác	14			
IV	Hàng tồn kho	20			
V	Đầu tư tài chính dài hạn	25			
VI	Tài sản cố định	26			
1	Tài sản cố định trang bị cho đơn vị	30			
1.1	Tài sản cố định hữu hình	31			
	- Nguyên giá	32			
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	33			
1.2	Tài sản cố định vô hình	35			
	- Nguyên giá	36			
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	37			
2	Tài sản nhà nước giao quản lý	38			
	- Tài sản kết cấu hạ tầng	38a			
	- Tài sản khác nhà nước giao quản lý	38b			
VII	Xây dựng cơ bản dở dang	40			

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
VIII	Tài sản khác	45			
IX	TS thuần của đơn vị thực hiện CĐKT khác	46			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (50= 01+05+10+20+25+30+40+45+46)	50			
	NGUỒN VỐN				
I	Nợ phải trả	60			
1	Phải trả nhà cung cấp	61			
2	Các khoản nhận trước của khách hàng	62			
3	Phải trả nợ vay	64			
4	Tạm thu				
5	Các quỹ đặc thù tại ĐV HCSN	66			
6	Các khoản nhận trước chưa ghi thu	67			
7	Nợ phải trả khác	68			
II	Tài sản thuần	70			
1	Nguồn vốn kinh doanh	71			
2	Thặng dư/thâm hụt lũy kế	72			
3	Các quỹ tại đơn vị HCSN	73			
4	Tài sản thuần khác	74			
5	Quỹ tài chính ngoài ngân sách	75			
6	TS thuần của đơn vị thực hiện CĐKT khác	76			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (80=60+70)	80			

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM SOÁT

(Ký, họ tên)

Lập, ngày ... tháng ... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị dự toán cấp 1:....

Mã chương:

Mẫu số B02/BCTC-TH

Đơn vị KT trung gian cấp 1:....

Mã:

Ban hành kèm theo Thông tư số

Đơn vị KT trung gian cấp 2:....

Mã

.../2018/TT-BTC ngày /.../2018

Đơn vị kế toán cấp cơ sở:....

Mã:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔNG HỢP

Năm.....

Đơn vị tính:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01			
	a. Từ NSNN và kinh phí được để lại	02			
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04			
2	Chi phí (05=06+07+08)	05			
	a. Chi phí hoạt động	06			
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07			
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08			
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)	09			
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				
1	Doanh thu	10			
2	Chi phí	11			
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12			
III	Hoạt động tài chính				
1	Doanh thu	20			
2	Chi phí	21			
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22			
IV	Hoạt động khác tại đơn vị HCSN				
1	Thu nhập khác	30			

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2	Chi phí khác	31			
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32			
V	Chi phí thuế TNDN	40			
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm của đơn vị thực hiện CĐKT khác	45			
VII	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40+45)	50			
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của các đơn vị hành chính	51			
2	Phân phối cho các quỹ của đơn vị sự nghiệp công lập	52			
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM SOÁT
(Ký, họ tên)

Lập, ngày ... tháng ... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị dự toán cấp 1:....

Mã chương:

Mẫu số B03/BCTC-TH

Đơn vị KT trung gian cấp 1:....

Mã:

Ban hành kèm theo Thông tư số

Đơn vị KT trung gian cấp 2:....

Mã

.../2018/TT-BTC ngày /../2018

Đơn vị kế toán cấp cơ sở:....

Mã:

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm.....

Đơn vị tính:

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH				
	Thặng dư/ thâm hụt trong năm	01			
	Điều chỉnh cho các khoản				
1	Khấu hao TSCĐ trong năm	02			
2	Tăng/giảm các khoản nợ phải trả	03			
3	Tăng/giảm hàng tồn kho	04			
4	Tăng/giảm các khoản phải thu	05			
5	Thu khác từ hoạt động chính	06			
6	Chi khác từ hoạt động chính	07			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính	10			
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	21			
2	Tiền thu từ các khoản đầu tư	22			
3	Tiền chi XD CB, mua tài sản cố định	23			
4	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	24			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			

III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1	Tiền thu từ các khoản đi vay	31			
2	Tiền nhận vốn góp	32			
3	Tiền hoàn trả gốc vay	33			
4	Tiền hoàn trả vốn góp	34			
5	Cổ tức/lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50			
V	Số dư tiền đầu kỳ	60			
VI	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	70			
VII	Số dư tiền cuối kỳ	80			

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM SOÁT

(Ký, họ tên)

Lập, ngày ... tháng ... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị dự toán cấp 1:....

Mã chương:

Mẫu số B04/BCTC-TH

Đơn vị KT trung gian cấp 1:....

Mã:

Ban hành kèm theo Thông tư số

Đơn vị KT trung gian cấp 2:....

Mã

.../2018/TT-BTC ngày /.../2018

Đơn vị kế toán cấp cơ sở:....

Mã:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/20xx

I. Thông tin khái quát

Đơn vị cấp I.....

Chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị:

II. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của đơn vị được lập theo hướng dẫn của Thông tư số /TT-BTC ngày / /2018 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam. Các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán trong suốt các kỳ kế toán được trình bày trên báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị kế toán cấp I, đã bao gồm toàn bộ thông tin của các đơn vị kế toán nhà nước cấp dưới trực thuộc.

Báo cáo tài chính của đơn vị đã được phê duyệt để phát hành vào ngày

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp

Đơn vị tính: ...

1. Tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Tiền mặt		
b. Tiền gửi kho bạc		
c. Tiền gửi ngân hàng		
d. Tiền đang chuyển		
Tổng cộng tiền:		

2. Các khoản phải thu khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Tạm chi		
b. Thuế GTGT được khấu trừ		
c. Chi phí trả trước		
d. Phải thu khác		
Tổng các khoản phải thu khác:		

3. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Nguyên liệu vật liệu		
b. Công cụ dụng cụ		
c. Chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ dở dang		

d. Sản phẩm		
e. Hàng hóa		
Tổng hàng tồn kho:		

4. Tài sản cố định

4.1. Tài sản cố định trang bị cho đơn vị

Tài sản cố định của đơn vị được trình bày theo nguyên giá (giá gốc); giá trị còn lại = Nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế và khấu hao lũy kế.

Khoản mục chi tiết	Tổng cộng	TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình
Nguyên giá			
Số dư đầu năm			
Tăng trong năm			
Giảm trong năm			
Giá trị hao mòn, khấu hao lũy kế			
Giá trị còn lại cuối năm			

4.2. Tài sản nhà nước giao quản lý

a) Tài sản kết cấu hạ tầng

Khoản mục chi tiết	Tổng cộng	TS hạ tầng đường bộ	TS hạ tầng ...	TS hạ tầng ...	...
Nguyên giá					
Số dư đầu năm					
Tăng trong năm					
Giảm trong năm					
Giá trị hao mòn, khấu hao lũy kế					
Giá trị còn lại cuối năm					

b) Tài sản khác (chi tiết)

.....

5. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Mua sắm TSCĐ		
b. XDCB dở dang		
b. Nâng cấp TSCĐ		
Tổng giá trị xây dựng dở dang		

6. Tài sản khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
TS ngắn hạn khác		
TS dài hạn khác		
Tổng giá trị tài sản khác		

7. Phải trả nợ vay

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Vay ngắn hạn		
b. Vay dài hạn		
Tổng các khoản vay		

8. Tạm thu

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Kinh phí hoạt động bằng tiền		
b. Viện trợ, vay nợ nước ngoài		
c. Tạm thu phí, lệ phí		
d. Ứng trước dự toán		
đ. Tạm thu khác		
Tổng các khoản tạm thu trong năm		

9. Các quỹ đặc thù

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Quỹ ...		
...		
Tổng các quỹ đặc thù		

10. Các khoản nhận trước chưa ghi thu

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Giá trị còn lại của TSCĐ		
b. Nguyên liệu, vật liệu, CCDC tồn kho		
c. Kinh phí đầu tư XD CB		
Tổng các khoản nhận trước chưa ghi thu		

11. Nợ phải trả khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Các khoản phải nộp theo lương		
b. Các khoản phải nộp nhà nước		
c. Phải trả người lao động		
d. Nợ phải trả khác:		
Trong đó: - Ngắn hạn		
- Dài hạn		
Tổng các khoản nợ phải trả khác		

12. Nguồn vốn kinh doanh

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Do NSNN cấp		
b. Vốn góp		
c. Khác		
Tổng nguồn vốn kinh doanh		

13. Các quỹ

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Quỹ khen thưởng		

b. Quỹ phúc lợi		
c. Quỹ bổ sung thu nhập		
d. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		
e. Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
Tổng các quỹ		

14. Quỹ tài chính ngoài ngân sách

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Quỹ ...		
b. Quỹ		
c. Quỹ ...		
...		
Tổng các quỹ tài chính ngoài ngân sách		

15. Tài sản thuần khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
b. Nguồn cải cách tiền lương		
c. Tài sản thuần khác		
Tổng tài sản thuần khác		

16. Biến động của nguồn vốn

Chi tiêu	Các khoản mục thuộc nguồn vốn						
	Nguồn vốn kinh doanh	Chênh lệch tỷ giá	Thặng dư (thâm hụt) lũy kế	Các quỹ	Nguồn cải cách tiền lương	Khác	Cộng
Số dư đầu năm							
Tăng trong năm							
Giảm trong năm							
Số dư cuối năm							

17. Các thông tin khác đơn vị thuyết minh thêm

IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp

1. Hoạt động hành chính, sự nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
1.1. Doanh thu		
a. Từ NSNN cấp:		
- Nhận NSNN cấp		
- Nguồn khác được phép để lại		

b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài:		
- Thu viện trợ		
- Thu vay nợ nước ngoài		
c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại		
1.2. Chi phí		
a. Chi phí hoạt động		
<i>a1. Chi phí từ nguồn NSNN</i>		
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
- Chi phí hao mòn TSCĐ		
- Chi phí hoạt động khác		
<i>a2. Chi phí từ nguồn hoạt động khác được để lại (không thuộc nguồn NSNN)</i>		
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
- Chi phí hao mòn TSCĐ		
- Chi phí hoạt động khác		
b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài		
<i>b1. Chi từ nguồn viện trợ</i>		
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
- Chi phí hao mòn TSCĐ		
- Chi phí hoạt động khác		
<i>b2. Chi vay nợ nước ngoài</i>		
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
- Chi phí hao mòn TSCĐ		
- Chi phí hoạt động khác		
c. Chi phí hoạt động thu phí		
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
- Chi phí khấu hao TSCĐ		
- Chi phí hoạt động khác		

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu (chi tiết theo một số hoạt động)		
b. Chi phí		
+ Chi tiết theo khoản mục chi phí:		

- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
- Chi phí khấu hao TSCĐ		
- Chi phí hoạt động khác		
+ Chi tiết theo mục đích chi phí:		
- Giá vốn hàng bán		
- Chi phí quản lý		

3. Hoạt động khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
a. Thu nhập khác (chi tiết)		
b. Chi phí khác (chi tiết)		

4. Phân phối cho các quỹ

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
a. Quỹ khen thưởng		
b. Quỹ phúc lợi		
c. Quỹ bổ sung thu nhập		
d. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		
e. Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
f. Quỹ khác (chi tiết)		
Tổng số đã phân phối cho các quỹ trong năm		

5. Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
a. Bổ sung thu nhập cho CBCC và người lao động		
b. Chi khen thưởng		
c. Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể		
Tổng số đã sử dụng kinh phí tiết kiệm		

6. Thông tin thuyết minh khác

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

1. Tiền thu từ các khoản đầu tư:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu gốc		
- Tiền thu lãi		
Tổng tiền thu từ các khoản đầu tư		

2. Các khoản tiền đơn vị nắm giữ nhưng không được sử dụng

Phản ánh các khoản tiền do các đơn vị trong phạm vi lập báo cáo tài chính tổng hợp nắm giữ không tính vào kinh phí hoạt động của đơn vị nhưng được hạch toán chung sổ sách kế toán với kinh

phí hoạt động của đơn vị như tiền của dự án A, tiền của quỹ B, ...

3. Thuyết minh khác cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

VI. Thông tin thuyết minh khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2. Thông tin thay đổi so với báo cáo tài chính kỳ trước

Đơn vị thuyết minh các thay đổi như các chính sách tài chính, cách thức ghi chép,..... ảnh hưởng khác biệt đến số liệu báo cáo tài chính so với kỳ trước

3. Thông tin khác:

3.1. Các đơn vị thực hiện CĐKT khác (ngoài CĐKT hành chính sự nghiệp):

STT	Tên đơn vị cấp trên	Tên đơn vị thực hiện	CĐKT áp dụng

3.2. Khác:

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM SOÁT

(Ký, họ tên)

Lập, ngày ... tháng ... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

B. HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Mẫu số B01/BCTC-TH)

1. Mục đích

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp của đơn vị cấp trên là báo cáo tài chính phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản của tất cả các đơn vị kế toán thuộc đơn vị cấp trên tại thời điểm 31/12 hàng năm, bao gồm tài sản hình thành từ nguồn NSNN cấp; nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; nguồn thu phí (phần được khấu trừ để lại đơn vị theo quy định) và các nguồn vốn khác tại đơn vị cấp trên.

Số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của đơn vị cấp trên theo cơ cấu của tài sản và cơ cấu nguồn vốn hình thành tài sản. Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của đơn vị cấp trên.

2. Cơ sở để lập Báo cáo tình hình tài chính

- Nguồn số liệu để lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp là số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị kế toán thuộc phạm vi phải tổng hợp theo quy định.

- Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp kỳ trước.

- Báo cáo bổ sung thông tin tài chính.

3. Nội dung và phương pháp lập

3.1. Chỉ tiêu cột:

- Cột STT, chỉ tiêu và cột mã số (cột A, cột B, cột C): Đơn vị lập theo mẫu quy định, không sắp xếp lại.

- Cột thuyết minh (cột D): Dùng để đánh mã số chỉ tiêu thuyết minh có liên quan trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, mục đích để người đọc báo cáo tài chính tổng hợp có thể dẫn chiếu nhanh chóng tới nội dung thuyết minh chi tiết của các chỉ tiêu này.

- Cột số liệu: Chia làm 2 cột:

+ Cột 1: phản ánh số cuối năm là số dư thời điểm 31/12 năm lập báo cáo sau khi đã khóa sổ kế toán.

+ Cột 2: phản ánh số đầu năm là số dư thời điểm 01/01 năm lập báo cáo sau khi đã khóa sổ kế toán.

3.2. Phương pháp lập các chỉ tiêu báo cáo

STT	Tên chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập chỉ tiêu báo cáo	
			Số liệu hợp cộng (1)	Số liệu phải loại trừ (2)
1	2	3	4	5
	TÀI SẢN			
I	Tiền	01	x	
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	05	x	Số liệu chỉ tiêu 01 “Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào đơn vị khác” trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính.
III	Các khoản phải thu (10=11+12+14)	10		
1	Phải thu khách hàng	11	x	Số liệu chỉ tiêu 06 “Phải thu khách hàng” trên báo cáo bổ sung thông tin tài.
2	Trả trước cho người bán	12	x	Số liệu chỉ tiêu 07 “Trả trước cho người bán” trên báo cáo bổ sung thông tin tài.
3	Các khoản phải thu khác	14	x	Số liệu chỉ tiêu 08 “Các khoản phải thu khác” trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính.
IV	Hàng tồn kho	20	x	
V	Đầu tư tài chính dài hạn	25	x	Số liệu chỉ tiêu 10 “Khoản đầu tư tài chính dài hạn vào đơn vị khác” trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính.
VI	Tài sản cố định (26=30+38)	26		
1	TSCĐ trang bị cho đơn vị (30=31+35)	30		
1.1	TSCĐ hữu hình	31	x	

	- Nguyên giá	32	x	
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	33	x	
1.2	TSCEĐ vô hình	35	x	
	- Nguyên giá	36	x	
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	37	x	
2	TS nhà nước giao quản lý (38=38a+38b)	38		
	- Tài sản kết cấu hạ tầng	38a	x	
	- Tài sản khác nhà nước giao quản lý	38b	x	
VII	XDCB dở dang	40	x	
VIII	Tài sản khác	45	x	
IX	TS thuần của đơn vị thực hiện CDKT khác	46	x	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (50=01+05+10+20+25+26+40+45+46)		50		
NGUỒN VỐN				
I	Nợ phải trả (60=61+64+66+67+68)	60		
1	Phải trả nhà cung cấp	61	x	Số liệu chi tiêu 21 “Phải trả nhà cung cấp” trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính.
2	Các khoản nhận trước của khách hàng	62	x	Số liệu chi tiêu 22 “Các khoản nhận trước của khách hàng” trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính.
3	Phải trả nợ vay	64	x	

4	Tạm thu	65	x	
5	Các quỹ đặc thù tại đơn vị HCSN	66	x	
6	Các khoản nhận trước chưa ghi thu	67	x	
7	Nợ phải trả khác	68	x	Số liệu chỉ tiêu chỉ tiêu 28 “Nợ phải trả khác” trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính.
II	Tài sản thuần (70=71+72+73+74+75+76)	70		
1	Nguồn vốn kinh doanh	71	x	Số liệu chỉ tiêu chỉ tiêu 71 “Nguồn vốn nhận đầu tư từ đơn vị khác” trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính.
2	Thặng dư/thâm hụt lũy kế	72	x	
3	Các quỹ tại đơn vị HCSN	73	x	
4	Tài sản thuần khác	74	x	
5	Quỹ tài chính ngoài ngân sách	75	x	
6	TS thuần của đơn vị thực hiện CĐKT khác	76	x	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (80=60+70)		80		

- (1) Hợp cộng từ các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tình hình tài chính của đơn vị cấp dưới thực hiện CĐKT hành chính sự nghiệp. Riêng chỉ tiêu có mã số 46 và mã số 76 (TS thuần của đơn vị thực hiện CĐKT khác) được lấy từ báo cáo tình hình tài chính của đơn vị thực hiện chế độ kế toán khác
- (2) Số liệu loại trừ được lấy trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính, do đơn vị cấp trên tổng hợp từ các đơn vị cấp dưới trực tiếp theo phân cấp, số liệu lấy ở cột tương ứng với cấp lập báo cáo tổng hợp.

Số liệu sau loại trừ của từng chỉ tiêu được tính bằng số liệu hợp cộng tại cột 4 trừ (-) đi số liệu loại trừ trên cột 5 (nếu có). Đây chính là số liệu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp của đơn vị lập báo cáo.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔNG HỢP

(Mẫu số B02/BCTC-TH)

1. Mục đích: Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp phản ánh tình hình và kết quả hoạt động của đơn vị cấp trên, bao gồm kết quả từ tất cả các hoạt động tài chính của các đơn vị kế toán thuộc phạm vi phải tổng hợp số liệu đơn vị cấp trên.

2. Cơ sở lập báo cáo

- Báo cáo kết quả hoạt động của các đơn vị kế toán thuộc phạm vi phải tổng hợp số liệu đơn vị cấp trên theo quy định.

- Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp kỳ trước.

- Báo cáo bổ sung thông tin của các đơn vị kế toán trực thuộc.

Đơn vị kế toán cấp trên phải trình bày các chỉ tiêu theo mẫu quy định.

3. Nguyên tắc lập

Khi lập Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp của đơn vị cấp trên phải thực hiện loại trừ toàn bộ các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các đơn vị kế toán thuộc phạm vi phải tổng hợp số liệu đơn vị cấp trên với nhau.

4. Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong Báo cáo Kết quả hoạt động

4.1. Chỉ tiêu cột:

Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp gồm có 6 cột:

- Cột A, B: STT, các chỉ tiêu báo cáo đơn vị giữ nguyên không sắp xếp lại;
- Cột C: Mã số của các chỉ tiêu tương ứng;
- Cột D: Mã số dẫn chiếu tới các thông tin thuyết minh chi tiết trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp;
- Cột số 1: Tổng số phát sinh của đơn vị tổng hợp trong kỳ báo cáo năm;
- Cột số 2: Số liệu của năm trước liền kề năm báo cáo (để so sánh).

4.2. Chỉ tiêu dòng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập chỉ tiêu báo cáo		
			Số liệu hợp cộng (1)	Số liệu phải loại trừ (2)	
				4	5
1	2	3			
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01			
	a. Từ NSNN và kinh phí được để lại	02	x		
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03	x		
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04	x		
2	Chi phí (05=06+07+08)	05			
	a. Chi phí hoạt động	06	x		
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07	x		
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08	x		
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)	09	Trường hợp thâm hụt thì chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)		

II Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				
1	Doanh thu	10	X	Số liệu chi tiêu chi tiêu 40 “Doanh thu bán hàng” trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính.
2	Chi phí	11	X	Số liệu chi tiêu chi tiêu 40 “Doanh thu bán hàng” trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính.
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	Trường hợp thâm hụt thì chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)	
III Hoạt động tài chính				
1	Doanh thu	20	X	
2	Chi phí	21	X	
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22	Trường hợp thâm hụt thì chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)	
IV Hoạt động khác tại đơn vị HCSN				

1	Thu nhập khác	30	x	
2	Chi phí khác	31	x	
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32	Trường hợp thâm hụt thì chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)	
V	Chi phí thuế TNDN	40	x	
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm của đơn vị thực hiện CĐKT khác	45	x	
VII	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40+45)	50		
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của các đơn vị hành chính	51	x	
2	Phân phối cho các quỹ của đơn vị sự nghiệp công lập	52	x	
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53	x	

(1) Cột 4 được hợp cộng từ các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị cấp dưới thực hiện CDKT hành chính sự nghiệp. Riêng chỉ tiêu có mã số 45 (Thặng dư/thâm hụt trong năm của đơn vị thực hiện CDKT khác) được lấy từ báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị thực hiện chế độ kế toán khác

(2) Cột 5 số liệu loại trừ được lấy trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính, do đơn vị cấp trên tổng hợp từ các đơn vị cấp dưới trực tiếp theo phân cấp, số liệu lấy ở cột tương ứng với cấp lập báo cáo tổng hợp.

Số liệu sau loại trừ của từng chỉ tiêu được tính bằng số liệu hợp cộng tại cột 4 trừ (-) đi số liệu loại trừ trên cột 5 (nếu có). Đây chính là số liệu được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp của đơn vị lập báo cáo.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Mẫu số B03/BCTC-TH)

1. Mục đích

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp do đơn vị kế toán cấp trên lập xác định nguồn tiền vào, các khoản mục chi ra bằng tiền trong năm báo cáo và số dư tiền tại ngày lập báo cáo của tất cả các đơn vị kế toán trực thuộc đơn vị cấp trên.

2. Nguyên tắc trình bày

2.1. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp chỉ phản ánh dòng tiền phát sinh giữa đơn vị lập báo cáo tài chính tổng hợp với các đơn vị bên ngoài, không phản ánh các luồng tiền phát sinh giữa các đơn vị nội bộ trong cùng đơn vị lập báo cáo với nhau. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phải được phân loại luồng tiền theo 3 hoạt động như báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC.

2.2. Luồng tiền từ hoạt động chính chỉ được lập theo phương pháp gián tiếp trên cơ sở số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

2.3. Luồng tiền từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính được hợp cộng từ chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC.

Đơn vị phải thuyết minh các khoản tiền phát sinh trong đơn vị nhưng chỉ được sử dụng vào các mục đích quy định sẵn, mà đơn vị không được phép sử dụng vào hoạt động của mình như các quỹ tài chính mà đơn vị được giao quản lý,...

3. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được lập căn cứ:

- Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp
- Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của năm trước
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị thuộc phạm vi phải tổng hợp số liệu báo cáo tài chính đơn vị cấp trên.
- Báo cáo bổ sung thông tin của các đơn vị kế toán trực thuộc.

4. Phương pháp lập các chỉ tiêu trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ gồm có 6 cột:

- Cột A, B: STT, các chỉ tiêu báo cáo đơn vị giữ nguyên không sắp xếp lại;

- Cột C: Mã số của các chỉ tiêu tương ứng;

- Cột D: Mã số dẫn chiếu tới các thông tin thuyết minh chi tiết trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp;

- Cột số 1: Tổng số phát sinh trong kỳ báo cáo năm;

- Cột số 2: Số liệu của năm trước liền kề năm báo cáo (để so sánh).

4.1. Phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

Thực hiện hợp cộng từ chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cấp dưới thuộc phạm vi tổng hợp báo cáo tài chính theo phân cấp.

4.2. Phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính

Thực hiện lập các chỉ tiêu theo phương pháp gián tiếp từ báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp của đơn vị lập báo cáo.

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính được xác định bằng cách lấy số thặng dư/ thâm hụt trong năm điều chỉnh cho các khoản sau đây:

- Các khoản mục không bằng tiền: khấu hao TSCĐ trong năm,.

- Tất cả các khoản mục khác ảnh hưởng đến luồng tiền như các thay đổi trong hàng tồn kho, các khoản phải thu và phải trả trong kỳ.

Cách tính toán các chỉ tiêu:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh
A	B	C	D
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH		
	Thặng dư/ thâm hụt trong năm	01	Được lấy trên báo cáo kết quả hoạt động cùng kỳ báo cáo: Bảng chênh lệch chỉ tiêu số 50- “Thặng dư/ thâm hụt trong năm” trừ đi (-) chỉ tiêu số 45- “Thặng dư/ thâm hụt trong năm của đơn vị thực hiện CDKT khác” . Trường hợp thâm hụt thì số liệu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
	Điều chỉnh cho các khoản		
1	Khấu hao TSCĐ trong năm	02	Chỉ tiêu này phản ánh số tiền khấu hao TSCĐ đã được tính vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trong năm, lấy số liệu từ thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (phần số liệu chi tiết chi phí).

2	Tăng/giảm các khoản nợ phải trả	03	Chỉ tiêu này được lập căn cứ vào tổng các chênh lệch giữa số dư cuối kỳ với số dư đầu kỳ của các khoản nợ phải trả. Lấy số liệu từ báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Trường hợp tổng các số dư cuối kỳ nhỏ hơn tổng các số dư đầu kỳ thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...). Trường hợp tổng các số dư cuối kỳ lớn hơn tổng các số dư đầu kỳ thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số dương.
3	Tăng/giảm hàng tồn kho	04	Chỉ tiêu này được lập căn cứ vào tổng các chênh lệch giữa số dư cuối kỳ và số dư đầu kỳ của chỉ tiêu hàng tồn kho. Lấy số liệu từ báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Trường hợp số dư cuối kỳ lớn hơn số dư đầu kỳ thì chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...). Trường hợp số dư cuối kỳ nhỏ hơn số dư đầu kỳ thì chỉ tiêu này được trình bày là số dương.

4	Tăng/giảm các khoản phải thu	05	Chỉ tiêu này được lập căn cứ vào tổng các chênh lệch giữa số dư cuối kỳ và số dư đầu kỳ của các tài khoản phải thu. Trường hợp tổng các số dư cuối kỳ lớn hơn tổng các số dư đầu kỳ thì chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...). Trường hợp tổng các số dư cuối kỳ nhỏ hơn tổng các số dư đầu kỳ thì chỉ tiêu này được trình bày là số dương.
5	Thu khác từ hoạt động chính	06	Chỉ tiêu này phản ánh các khoản tiền thu khác phát sinh liên quan đến hoạt động chính chưa được phản ánh vào các chỉ tiêu trên (nếu có).
6	Chi khác từ hoạt động chính	07	Chỉ tiêu này phản ánh các khoản tiền chi khác phát sinh liên quan đến hoạt động chính chưa được phản ánh vào các chỉ tiêu trên (nếu có).
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính	10	Chỉ tiêu này phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thu vào với tổng số tiền chi ra từ hoạt động chính trong năm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính bằng tổng cộng số liệu chỉ tiêu từ Mã số 01 đến Mã số 07. Nếu số liệu chỉ tiêu này là số âm thì ghi trong ngoặc đơn (...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Mẫu số B04/BCTC-TH)

1. Mục đích:

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cung cấp các thông tin chi tiết thêm cho các khoản mục được trình bày trong các báo cáo Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp, Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp đồng thời chi tiết thêm một số thông tin cần thiết khác theo yêu cầu quản lý và cung cấp thông tin cho lập báo cáo tài chính nhà nước.

2. Nguyên tắc lập và trình bày Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

a) Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp phải được trình bày một cách hệ thống theo biểu mẫu và chỉ tiêu đã quy định. Ngoài các thông tin như mẫu biểu quy định, đơn vị có thể bổ sung các nội dung thuyết minh khác để làm rõ hơn các chỉ tiêu đã trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp hoặc phục vụ yêu cầu quản lý của cơ quan cấp trên.

b) Đơn vị lập báo cáo tài chính tổng hợp phải trình bày một số thông tin khái quát của đơn vị mình theo quy định.

3. Cơ sở lập Thuyết minh báo cáo tài chính

- Căn cứ vào báo cáo tình hình tài chính tổng hợp, Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm báo cáo;
- Căn cứ vào báo cáo bổ sung thông tin của các đơn vị trực thuộc;
- Căn cứ vào Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp năm trước;
- Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị cấp trên và các tài liệu liên quan.

4. Phương pháp lập

Thực hiện hợp cộng từ các chỉ tiêu chi tiết tương ứng trên các báo cáo thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán thuộc phạm vi phải tổng hợp số liệu. Trường hợp các chỉ tiêu phải loại trừ doanh số bị trùng nhau giữa các đơn vị trong nội bộ thì thuyết minh cả số hợp cộng và số bị loại trừ.

Đối với báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp phải thuyết minh các khoản tiền đơn vị nắm giữ nhưng không được sử dụng (như tiền của quỹ tài chính,...).

Thuyết minh chi tiết các đơn vị trong nội bộ thực hiện các CDKT khác.

Đơn vị phải thuyết minh thông tin về việc điều chỉnh số liệu sau khi báo cáo tài chính năm đã lập và nộp cho cơ quan có thẩm quyền mà số điều chỉnh này có ảnh hưởng trọng yếu đáng kể đến số liệu đã báo cáo. Thuyết minh các thay đổi như các chính sách tài chính, cách thức phương pháp ghi chép các nghiệp vụ phát sinh làm ảnh hưởng thay đổi số liệu báo cáo tài chính so với số liệu đã báo cáo kỳ trước.

Ngoài ra đơn vị có thể thuyết minh các nội dung khác xét thấy cần phải thuyết minh thêm để làm rõ tình hình tài chính trong năm và phục vụ yêu cầu quản lý mà các chỉ tiêu thuyết minh theo mẫu chưa phản ánh được.

Đơn vị dự toán cấp 1:....
Đơn vị KT trung gian cấp 1:....
Đơn vị KT trung gian cấp 2:....
Đơn vị kế toán cấp cơ sở:....

Mã chương:
Mã:
Mã
Mã:

Mẫu số B01/BS TT
Ban hành kèm theo Thông tư số .../2018/TT-BTC ngày
.../.../2018

BÁO CÁO BỔ SUNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH

I. Bổ sung thông tin để loại trừ giao dịch nội bộ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng số	Quan hệ giao dịch					Ngoài đơn vị dự toán cấp 1 (khác tỉnh, khác Bộ, ngành) - trong lĩnh vực kế toán nhà nước	Ngoài khu vực nhà nước
				Trong đơn vị kế toán trung gian cấp 1	Trong đơn vị kế toán trung gian cấp 2	Trong đơn vị dự toán cấp 1	Ngoài đơn vị dự toán cấp 1 - trong cùng tỉnh	Ngoài đơn vị dự toán cấp 1		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	
A	Bổ sung thông tin để lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp									
I	Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào đơn vị khác	01								
II	Các khoản phải thu	05								
1	Phải thu khách hàng	06								
2	Trả trước cho người bán	07								
3	Các khoản phải thu khác	08								
III	Khoản đầu tư tài chính dài hạn vào đơn vị khác	10								
IV	Nợ phải trả	20								
1	Phải trả nhà cung cấp	21								

2	Các khoản nhận trước của khách hàng	22																		
3	Nợ phải trả khác	28																		
V	Nguồn vốn nhận đầu tư từ đơn vị khác																			
	- Ngắn hạn	31																		
	- Dài hạn	32																		
B	Bổ sung thông tin để lập báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp																			
	Doanh thu bán hàng	40																		
	Doanh thu điều hòa từ đơn vị khác	50																		

II. Bổ sung thông tin thuyết minh tài chính

STT	Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Thuyết minh chi tiết chi tiêu Chi phí hoạt động theo nguồn		
1.1	<i>Chi phí từ nguồn NSNN</i>		
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
	- Chi phí hao mòn TSCD		
	- Chi phí hoạt động khác		
1.2	<i>Chi phí từ nguồn hoạt động khác được để lại (không thuộc nguồn NSNN)</i>		
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
	- Chi phí hao mòn TSCD		
	- Chi phí hoạt động khác		

2	Thuyết minh chi tiết chi tiêu Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài		
2.1	<i>Chi từ nguồn viện trợ</i>		
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
	- Chi phí hao mòn TSCĐ		
	- Chi phí hoạt động khác		
2.2	<i>Chi vay nợ nước ngoài</i>		
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
	- Chi phí hao mòn TSCĐ		
	- Chi phí hoạt động khác		
3	Thuyết minh chi tiết chi tiêu Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
	- Chi phí hao mòn TSCĐ		
	- Chi phí hoạt động khác		
4	Thuyết minh chi tiết chi tiêu Tiền thu từ các khoản đầu tư (Báo cáo LCCT)		
	- Tiền thu gốc		
	- Tiền thu lãi		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM SOÁT
(Ký, họ tên)

Lập, ngày ... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lập báo cáo bổ sung thông tin tài chính

1. Cơ sở lập báo cáo:

1.1. Cơ sở lập báo cáo đối với đơn vị kế toán :

- Số liệu trên sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết các tài khoản có liên quan
- Báo cáo tài chính trong năm.

1.2. Cơ sở lập báo cáo đối với đơn vị kế toán cấp trên

- Số liệu trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính của các đơn vị cấp dưới trực tiếp theo phân cấp, bao gồm đơn vị kế toán cơ sở và đơn vị kế toán trung gian (nếu có).
- Báo cáo tài chính tổng hợp trong năm.

2. Nội dung và phương pháp lập

2.1. Báo cáo phần I. Bổ sung thông tin để loại trừ giao dịch nội bộ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp

a. Nội dung báo cáo

Đơn vị kế toán cơ sở lập báo cáo theo mẫu quy định gồm đầy đủ các cột theo phân cấp lập báo cáo của đơn vị dự toán cấp 1, cột nào không có số liệu phát sinh thì để trống.

- Đơn vị kế toán trung gian cấp 1 lập báo cáo theo mẫu quy định, loại bỏ cột 2 “trong đơn vị kế toán trong gian cấp 1”, các cột còn lại cột nào không có số liệu phát sinh thì để trống.

- Đơn vị kế toán trung gian cấp 2 lập báo cáo theo mẫu quy định, loại bỏ cột 2 “trong đơn vị kế toán trong gian cấp 1” và loại bỏ cột 3 “trong đơn vị kế toán trong gian cấp 2”, các cột còn lại cột nào không có số liệu phát sinh thì để trống.

- Đơn vị dự toán cấp 1 thuộc địa phương lập báo cáo theo mẫu quy định, chỉ bao gồm các cột “ngoài đơn vị dự toán cấp 1- trong cùng tỉnh”, cột “Ngoài đơn vị dự toán cấp 1 (khác tỉnh, khác Bộ, ngành) - trong lĩnh vực kế toán nhà nước” và “Ngoài khu vực nhà nước”.

- Đơn vị dự toán cấp 1 thuộc trung ương lập báo cáo theo mẫu quy định, chỉ gồm 02 cột “Ngoài đơn vị dự toán cấp 1 (khác tỉnh, khác Bộ, ngành) - trong lĩnh vực kế toán nhà nước” và “Ngoài khu vực nhà nước”.

b. Phương pháp lập:

(1) Cột STT, chỉ tiêu và cột mã số (cột A, cột B, cột C): Đơn vị lập theo mẫu quy định, không sắp xếp lại.

(2) Cột 1 “Tổng số”:

+ Chỉ tiêu “Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào đơn vị khác”- mã số 01: Phản ánh tổng số tiền góp vốn, đầu tư có kỳ hạn từ 12 tháng trở xuống vào các đơn vị khác còn dư tại ngày lập báo cáo tài chính (bằng tổng số tiền đầu tư ngắn hạn trừ đi khoản không phải đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như: tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngắn hạn, mua các loại chứng khoán ngắn hạn,...)

+ Chỉ tiêu “Khoản đầu tư tài chính dài hạn vào đơn vị khác”- mã số 10: Phản ánh tổng số tiền góp vốn, đầu tư có kỳ hạn trên 12 tháng vào các đơn vị khác còn dư tại ngày lập báo cáo tài chính (bằng tổng số tiền đầu tư dài hạn trừ đi khoản không phải đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như: tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dài hạn, mua các loại chứng khoán dài hạn,...)

+ Nguồn vốn nhận đầu tư từ đơn vị khác (chỉ tiêu 31, 32): Đơn vị phân tích số dư nhận vốn góp đầu tư từ các đơn vị khác để báo cáo.

+ Các chỉ tiêu còn lại: Phản ánh số tiền tổng số của chỉ tiêu có tên tương ứng trên báo cáo tài chính riêng (báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động) hoặc báo cáo tài chính tổng hợp (báo cáo tình hình tài chính tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp) của đơn vị.

(3) Cột quan hệ giao dịch: Chia làm 5 cột:

+ Cột 2 “Trong đơn vị kế toán trung gian cấp 1”: Phản ánh số liệu quan hệ giao dịch với các đơn vị kế toán cơ sở cùng thuộc đơn vị kế toán trung gian cấp 1 theo phân cấp lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị dự toán cấp 1.

Đơn vị kế toán trung gian cấp 1 phải tổng hợp số liệu này, thực hiện đối chiếu các chỉ tiêu tương ứng, sau đó loại trừ giao dịch nội bộ tại cột này để lập báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định.

Khi đơn vị kế toán trung gian cấp 1 lập báo cáo bổ sung thông tin tài chính gửi đơn vị kế toán cấp trên thì cột này đã được bù trừ hết số liệu. Trường hợp số đối chiếu không khớp mà không thể xác định được nguyên nhân thì được phép bù trừ theo số nhỏ hơn và số dư còn lại được cộng vào cột kế tiếp.

Trường hợp đơn vị dự toán cấp 1 không phân cấp cho đơn vị trung gian lập báo cáo tài chính tổng hợp thì không phải lập số liệu cho cột này.

+ Cột 3 “Trong đơn vị kế toán trung gian cấp 2”: Phản ánh số liệu các quan hệ giao dịch với các đơn vị kế toán cơ sở khác ngoài đơn vị kế toán trung gian cấp 1 trực tiếp nhưng trong đơn vị kế toán trung gian cấp 2 theo phân cấp lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị dự toán cấp 1. Cột này chỉ phát sinh đối với đơn vị kế toán cơ sở thuộc trung ương.

Đơn vị kế toán trung gian cấp 2 phải tổng hợp các số liệu giao dịch nội bộ này, sau đó thực hiện đối chiếu số liệu các chỉ tiêu tương ứng, trên cơ sở đó loại trừ giao dịch nội bộ theo nguyên tắc đã hướng dẫn để lập báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định.

Khi đơn vị kế toán trung gian cấp 2 lập báo cáo bổ sung thông tin tài chính gửi đơn vị dự toán cấp 1 thì cột này đã được bù trừ hết số liệu. Trường hợp số đối chiếu không khớp mà không thể xác định được nguyên nhân thì được phép bù trừ theo số nhỏ hơn và số dư còn lại được cộng vào cột kế tiếp.

Trường hợp đơn vị dự toán cấp 1 không phân cấp cho đơn vị trung gian lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc chỉ phân cấp cho một cấp đơn vị trung gian lập báo cáo tài chính tổng hợp thì không phải lập số liệu cho cột này.

+ Cột 4 “Trong đơn vị dự toán cấp 1”: Phản ánh số liệu các quan hệ giao dịch với các đơn vị kế toán cơ sở khác ngoài đơn vị kế toán trung gian cấp 1, cấp 2 trực tiếp nhưng trong cùng đơn vị dự toán cấp 1 theo phân cấp lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Đơn vị dự toán cấp 1 phải tổng hợp số liệu này, thực hiện đối chiếu các chỉ tiêu tương ứng, sau đó loại trừ giao dịch nội bộ tại cột này để lập báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định.

Khi đơn vị dự toán cấp 1 lập báo cáo bổ sung thông tin tài chính gửi KBNN thì cột này đã được bù trừ hết số liệu. Trường hợp số đối chiếu không khớp mà không thể xác định được nguyên nhân thì được phép bù trừ theo số nhỏ hơn và số dư còn lại được cộng vào cột 5 nếu là đơn vị kế toán thuộc địa phương, cộng vào cột 6 nếu là đơn vị kế toán thuộc trung ương.

+ Cột 5 “Ngoài đơn vị cấp 1- trong cùng tỉnh”: Phản ánh số liệu các quan hệ giao dịch với các đơn vị kế toán cơ sở khác ngoài đơn vị dự toán cấp 1 nhưng vẫn trong cùng 1 tỉnh. Cột này chỉ phát sinh đối với đơn vị kế toán cơ sở thuộc địa phương.

+ Cột 6 “Ngoài đơn vị cấp 1 (khác tỉnh, khác Bộ, ngành) - trong lĩnh vực kế toán nhà nước”:

Đối với đơn vị kế toán thuộc địa phương thì phản ánh số liệu các quan hệ giao dịch với các đơn vị kế toán cơ sở khác ở ngoài tỉnh nhưng trong cùng lĩnh vực kế toán nhà nước. Hoặc quan hệ với đơn vị kế toán cơ sở trong cùng tỉnh nhưng đơn vị này trực thuộc Bộ, ngành ở trung ương (trong cùng lĩnh vực kế toán nhà nước).

Đối với đơn vị kế toán thuộc trung ương thì phản ánh quan hệ giao dịch với các đơn vị kế toán cơ sở khác ngoài đơn vị dự toán cấp 1 hoặc thuộc địa phương, nhưng các đơn vị này cũng trong cùng lĩnh vực kế toán nhà nước.

+ Cột 7 “Ngoài khu vực nhà nước”: Phản ánh quan hệ giao dịch với đơn vị khác ngoài khu vực nhà nước.

Cột 7 = Cột 1 - Cột 2 - Cột 3 - Cột 4 - Cột 5 - Cột 6

2.2. Báo cáo phần II. Bổ sung thông tin thuyết minh tài chính

Căn cứ số theo dõi chi tiết báo cáo một số nội dung để đơn vị cấp trên lập thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cung cấp số liệu cho lập thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước.

3. Hướng dẫn đối chiếu số liệu

Trước khi lập báo cáo tài chính tổng hợp đơn vị kế toán cấp trên phải thực hiện đối chiếu số liệu đối với các giao dịch nội bộ trước khi thực hiện loại trừ để tổng hợp báo cáo tài chính trên cơ sở số liệu của Báo cáo bổ sung thông tin tài chính.

Nguyên tắc:

- Số liệu đối chiếu phải đảm bảo khớp đúng giữa các chỉ tiêu tương ứng, trường hợp có chênh lệch phải tìm nguyên nhân để điều chỉnh lại cho đúng. Trường hợp không thể đối chiếu thì thực hiện loại trừ theo số nhỏ hơn.

- Trường hợp đơn vị trung gian cấp 1 lập báo cáo tài chính tổng hợp thì đối chiếu số liệu đã tổng hợp từ tất cả các đơn vị cấp dưới tại cột 1 “Trong đơn vị kế toán trung gian cấp 1” trên báo cáo bổ sung thông tin tài chính (mẫu 01/BSTT). Tương tự đối với đơn vị kế toán trung gian cấp 2, đơn vị dự toán cấp 1.

Các chỉ tiêu phải thực hiện đối chiếu, bao gồm:

(1) Đối chiếu chỉ tiêu “Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào đơn vị khác” (mã số 01) với chỉ tiêu “Nguồn vốn đầu tư nhận từ đơn vị khác- ngắn hạn” (mã số 31).

(2) Đối chiếu chỉ tiêu “Phải thu khách hàng” (mã số 06) với chỉ tiêu “Phải trả nhà cung cấp” (mã số 21).

(3) Đối chiếu chỉ tiêu “Trả trước cho người bán” (mã số 07) với chỉ tiêu “Các khoản nhận trước của khách hàng” (mã số 22).

(4) Đối chiếu chỉ tiêu “Các khoản phải thu khác” (mã số 08) với chỉ tiêu “Nợ phải trả khác” (mã số 28).

(5) Đối chiếu chỉ tiêu “Khoản đầu tư tài chính dài hạn vào đơn vị khác” (mã số 10) với chỉ tiêu “Nguồn vốn nhận đầu tư từ đơn vị khác- dài hạn” (mã số 32).

Xác định đơn vị trung gian lập báo cáo tài chính tổng hợp

Việc xác định đơn vị trung gian trong phân cấp lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị dự toán cấp 1 thể hiện theo ví dụ sau:

(1). Mô hình tổ chức:

- Bộ Tài chính là đơn vị dự toán cấp 1;
- Tổng cục Thuế là đơn vị kế toán trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Thuế các tỉnh, thành phố (gọi tắt là Cục Thuế tỉnh) và Văn phòng Tổng cục Thuế là đơn vị kế toán trực thuộc Tổng cục Thuế;
- Chi cục Thuế các quận, huyện, thị xã (gọi tắt là Chi cục Thuế huyện) và Văn phòng Cục Thuế là đơn vị kế toán trực thuộc Cục Thuế;

(2). Giả sử Bộ Tài chính phân cấp nhiệm vụ cho Tổng cục Thuế và Cục Thuế tỉnh là đơn vị kế toán trung gian phải tổng hợp báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư này thì:

- Cục Thuế tỉnh là đơn vị kế toán trung gian cấp 1, chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán cấp cơ sở bao gồm Chi cục Thuế huyện và Văn phòng Cục Thuế tỉnh.

- Tổng cục Thuế là đơn vị kế toán trung gian cấp 2 chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo tài chính của Cục Thuế các tỉnh (đơn vị trung gian cấp 1) và Văn phòng Tổng cục Thuế (là đơn vị kế toán cấp cơ sở trực thuộc trực tiếp đơn vị kế toán trung gian cấp 2).

(3). Giả sử Bộ Tài chính chỉ phân cấp nhiệm vụ cho Tổng cục Thuế là đơn vị kế toán trung gian phải tổng hợp báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư này (mà không giao nhiệm vụ tổng hợp báo cáo tài chính cho Cục Thuế) thì lúc này Tổng cục Thuế là đơn vị kế toán trung gian cấp 1 chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán cấp cơ sở bao gồm: Văn phòng Tổng cục Thuế, Văn phòng Cục Thuế các tỉnh và Chi cục Thuế các huyện.

(4) Trường hợp Bộ Tài chính không giao nhiệm vụ tổng hợp báo cáo tài chính cho đơn vị kế toán trung gian, thì Bộ Tài chính là đơn vị dự toán cấp 1

chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo tài chính từ tất cả các đơn vị kế toán cơ sở trực thuộc, bao gồm: Văn phòng Bộ Tài chính, Văn phòng Tổng cục Thuế, văn phòng cục Thuế tỉnh, chi cục Thuế huyện,...